

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2025/DS-ST**
Ngày 21 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, hợp đồng góp hui và yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khu V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 06-6-2025, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Quốc Q**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Trần Quốc T**. Địa chỉ: Khu V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà **Trần Thị Y**. Địa chỉ: Khu V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà **Hồ Thị L**,

người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 04-6-2024 âm lịch (dương lịch ngày 09-7-2024), bà Lê Thị Cẩm T1 có vay tiền của bà Hồ Thị L, số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay tiền dùng để chi tiêu gia đình. Bà T1 hứa là khi nào bà L cần thì bà T1 sẽ trả lại tiền vay. Đồng thời, trước đây bà T1 có tham gia chơi hụi do bà Hồ Thị L làm chủ hụi, bà T1 còn nợ bà L 11.000.000 đồng hụi chết. Việc nợ tiền ở 02 khoản này bà T1 có ký biên nhận ngày 04-7-2024 âm lịch.

Sau đó, bà T1 không trả lãi và gốc cho bà L. Hiện nay, bà T1 đã chết, có chồng là ông Trần Quốc Q và 02 người con là Trần Quốc T và Trần Thị Y. Bà Hồ Thị L khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Quốc Q, Trần Quốc T và Trần Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị L số tiền vay gốc là 37.000.000 đồng và lãi chậm trả kể từ ngày 04-6-2024 âm lịch (dương lịch 09-7-2024) với mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính cho đến ngày làm đơn kiện là $37.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 6.674.206 \text{ đồng}$ và tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Yêu cầu buộc ông Trần Quốc Q, ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị L số tiền hụi còn nợ là 11.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Quốc Q trình bày:

Vợ của ông là bà Lê Thị Cẩm T1, chết ngày 26-5-2025. Bản thân ông đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2022 cho đến ngày vợ ông chết thì ông mới trở về ở nhà cho đến nay. Các con của ông là Trần Quốc T, Trần Thị Y đều đã xây dựng gia đình, có cuộc sống riêng tư từ lâu, không có liên quan trực tiếp đến mọi việc của gia đình ông nên không có trách nhiệm phải trả nợ thay cho mẹ. Riêng ông, trong suốt thời gian đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh thì tháng nào cũng gửi tiền về cho vợ trang trải việc gia đình, số tiền gửi mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Vì vậy, bà Hồ Thị L khởi kiện việc vợ của ông có biên nhận vay, mượn nợ với số tiền 37.000.000 đồng đề ngày 04-7-2024 âm lịch và số tiền hụi 11.000.000 đồng là việc riêng tư giữa vợ ông và bà Hồ Thị L. Ông và các con không biết gì về số nợ trên. Do đó, đây là nợ riêng của vợ ông với bà L, dùng để tiêu xài cá nhân, không liên quan đến việc trang trải chi phí trong gia đình. Bởi vì, chi phí trong gia đình hàng tháng ông đều có gửi cho vợ ông đầy đủ.

Từ những ý kiến trên, bản thân ông xét thấy số nợ không liên quan đến công việc của gia đình, chỉ là nợ riêng dùng vào việc riêng của vợ ông. Vì vậy, ông và các con không đồng ý liên đới trả số nợ này cho bà Hồ Thị L.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Y: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Y. Tuy nhiên, họ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và thời gian tính lãi. Cụ thể, về lãi suất yêu cầu áp dụng mức lãi suất bằng 10%/năm và thời gian tính lãi áp dụng từ ngày vay là ngày 09-7-2024 dương lịch đến ngày người có nghĩa vụ chết là ngày 26-5-2025. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc những người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 gồm có các ông (bà): Trần Quốc Q, Trần Quốc T, Trần Thị Y có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ về tài sản của bà Lê Thị Cẩm T1 chết để lại, trả cho bà Hồ Thị L số tiền nợ hui 11.000.000 đồng và tiền nợ vay 40.245.023 đồng (gồm tiền vay gốc 37.000.000 đồng và tiền lãi 3.245.023 đồng), trong phạm vi di sản mà bà Lê Thị Cẩm T1 để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xác định nghĩa vụ trả nợ vay và nợ hui, buộc những người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Các bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) có thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật cần giải quyết được xác định về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quy định tại các khoản 3, 5 và 14 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, các bị đơn ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và thời gian tính lãi. Cụ thể, về lãi suất yêu cầu áp dụng mức lãi suất bằng 10%/năm và thời gian tính lãi áp dụng từ ngày vay là ngày 09-7-2024 dương lịch đến ngày người có nghĩa vụ chết là ngày 26-5-2025. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[5] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp tờ giấy viết tay đề ngày 04-7-2024 âm lịch, nội dung: “*Tôi Lê Thị Cẩm T1, ngụ phường C, Ngã Năm Sóc Trăng, hôm nay tôi có mượn tiền của bà Hồ Thị L số tiền 37.000.000 đồng, với lãi suất tự thỏa thuận, 11 tháng hui 11.000.000 đồng. Tổng cộng tôi*

thiếu bà L số tiền là 48.000.000 đồng”. Người mượn tiền ký và viết tên Lê Thị Cẩm T1. Tại phiên tòa, ông Trần Quốc Q, sau khi xem bản gốc của biên nhận, cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết người mượn tiền giống với chữ ký, chữ viết của vợ ông lúc còn sống. Tuy nhiên, ông Trần Quốc Q vẫn cho rằng đây là khoản nợ của vợ ông xác lập với bà Hồ Thị Lệ. Bản thân ông và các con của ông không hề hay biết và cũng không sử dụng số tiền này.

[6] Như vậy, có đủ căn cứ xác định sự việc bà Lê Thị Cẩm T1 có nợ tiền vay và tiền hui của bà Hồ Thị L theo biên nhận nêu trên là sự thật. Bà Lê Thị Cẩm T1 chết ngày 26-5-2025 không có để lại di chúc, những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Quốc Q thừa nhận ông và bà T1 là vợ chồng hợp pháp chung sống với nhau có 02 người con là Trần Quốc T và Trần Thị Y. Bà Lê Thị Cẩm T1 chết không để lại di chúc, nên ông và 02 người con là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Cẩm T1. Từ khi bà T1 chết đến nay, ông Q xác nhận bà T1 không để lại di sản gì nên những người thừa kế cũng không có thỏa thuận phân chia di sản của bà T1.

[7] Tại Công văn số 198/CNNN ngày 18-7-2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N xác nhận bà Lê Thị Cẩm T1 không có đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tại Công văn số 219/CNKV19 ngày 18-8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIX xác nhận ông Trần Quốc Q có đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 07, diện tích 69,2 m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, tọa lạc tại khu vực V, phường M, thành phố Cần Thơ; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BP 373074, số vào sổ cấp GCN: CH00613 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp cho ông Trần Quốc Q.

[8] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Quốc Q cho rằng quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản riêng của ông được tặng cho riêng, không có phần của bà Lê Thị Cẩm T1. Tuy nhiên, hai bên đương sự cũng thừa nhận trên đất có nhà ở của ông Trần Quốc Q và bà Lê Thị Cẩm T1. Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định về di sản của người chết là bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác (Điều 612 của Bộ luật Dân sự). Ngoài ra, di sản của người chết còn có thể được tìm thấy, phát hiện, được trao trả sau thời điểm Tòa án xem xét, giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc những người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của bà T1 để lại là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ phải thực hiện gồm có nợ gốc theo biên nhận là 48.000.000 đồng (nợ vay 37.000.000 đồng và nợ hui 11.000.000 đồng); nợ lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu đối với phần nợ vay 37.000.000 đồng, tính từ ngày viết biên nhận cho đến ngày bà Lê Thị Cẩm T1 chết. Theo nội dung biên nhận có ghi “lãi suất thỏa thuận” nhưng không thể hiện rõ mức lãi suất nên thuộc trường hợp áp dụng quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, mức lãi suất bằng 10%/năm. Do đó, tiền lãi được tính từ ngày 09-7-2024 (dương lịch) đến ngày 26-5-2025 là 10 tháng 17 ngày x 37.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 3.245.023 đồng.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3, 5 và 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471, Điều 612, Điều 615 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Lệ .

Buộc những người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 gồm các ông (bà): Trần Quốc Q, Trần Quốc T, Trần Thị Y có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ về tài sản của bà Trần Thị Cẩm T2 chết để lại, trả cho bà Hồ Thị L số tiền nợ hội 11.000.000 đồng và tiền nợ vay 40.245.023 đồng (gốc 37.000.000 đồng và lãi 3.245.023 đồng), trong phạm vi di sản mà bà Trần Thị Cẩm T2 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đã được miễn tạm ứng án phí. Buộc bị đơn ông Trần Quốc Q, ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Y có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.562.251 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người

đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm